

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2026.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông K' Dung

Bà Nguyễn Thị Thùy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Rung K' Nhuận – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn H1, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn T, xã P L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, bà và ông Nguyễn H1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 12 tháng 10 năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2015, quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống và làm việc tại thôn T, xã P L (trước đây là xã T, huyện L), tỉnh Lâm

Đồng. Sau khi kết hôn về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng bà hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống chung nhà nhưng không thể chia sẻ, động viên quan tâm với nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, bà xác định không còn tình cảm với ông H1, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng quyết ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Huân. Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 01/4/2026, bị đơn ông Nguyễn H1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thu H có quen biết nhau vào năm 2015 và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cũ, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống hoà thuận được 9 năm thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn lý do nguyên nhân là do vợ chồng không có con. Khoảng 3 năm nay vợ chồng đã sống ly thân ít khi gặp nhau. Ông thì chạy xe đường dài tuyến bắc nam còn bà H thì đang học ngoài Hà Nội nên tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước đây. Nay, bà H yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng giải quyết ly hôn thì ông đồng ý để Toà án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng giải quyết ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà H và ông cũng đồng ý ly hôn theo đơn ly hôn của bà H để hai bên ổn định cuộc sống. Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông và bà H không có con chung nên ông không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung và nợ chung nên ông không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Đồng thời ông Nguyễn H1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với

ông Nguyễn Huân . Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Nguyễn H1 vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông H1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống thường ngày. Hơn nữa vợ chồng lại không có con chung nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và vợ chồng đã tự sống ly thân. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, còn ông H1 cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng bà H và ông H1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H và ông H1 được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Các bên đương sự xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Tòa án không đặt để xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn H1 được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011069 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 3-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Trung Kiên